

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 33

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bún riêu cua đồng, cà chua, củ cải, rau muống, giá, húng quế, đậu hủ
- Uống sữa Netsur
Trưa: Cơm trắng
- Cá lóc kho tộ, nước dừa, hành lá
- Canh cà rốt, su hào nấu thịt heo, hành lá, ngò rí
Xế: Bánh flan
Xế chiều: Hủ tiếu thịt gà nấu nấm rơm, cải caron, bí ngòi, hẹ lá, tóp mỡ, tỏi phi
NT nhóm 2: Cháo thịt gà, cà rốt, cải caron

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	300	3,140	9,420
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	100	740	740
5	0004	Gạo tẻ máy	2,000	2,560	51,200
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	8,400	4,200
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,930	4,465
8	N0809	Đậu hũ chiên	250	3,800	9,500
9	0653	Bún khô	400	4,950	19,800
10	0087	Cà chua	300	7,670	23,010
11	0103	Củ cải trắng	200	3,150	6,300
12	0118	Giá đậu xanh	100	2,730	2,730
13	0158	Rau húng	50	12,920	6,460
14	0748	Rau muống	100	5,040	5,040
15	0407	Cua đồng	500	19,430	97,150
16	0537	Nước dừa non tươi	500	3,890	19,450
17	N0793	Cá lóc phi lê (cá quả)	2,000	20,060	401,200
18	0089	Cà rốt	300	6,300	18,900
19	0178	Su hào	400	5,460	21,840
20	N0770	Thịt nạc dăm	500	17,850	89,250
21	N0755	Hủ tiếu	400	4,290	17,160
22	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bản)	100	7,560	7,560
23	0098	Cải xanh	100	8,610	8,610
24	0124	Hẹ lá	50	6,090	3,045
25	0211	Nấm rơm	100	14,180	14,180

26	N0772	Thịt ức gà	500	12,920	64,600
27	N0850	Mỡ heo sống	100	10,300	10,300
28	0457	Sữa bột toàn phần	646.68	20,500	132,569
29	N0925	Bánh Flan caramel cao cấp	1,056	14,750	155,760
Tổng cộng					1,220,999

Tổng tiền thực phẩm	1,220,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,221,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	2,405,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	2,404,999

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan